

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2018/HC-PT

Ngày: 22/3/2018.

V/v Khiếu kiện quyết định hành  
chính về việc đền bù, hỗ trợ giải  
phóng mặt bằng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thế Trọng.

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Trần Thị Bích Thủy.

2. Ông Vũ Bảo Nguyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lệ Chiêu – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia  
phiên tòa:** Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 và 22 tháng 03 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án  
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án  
thụ lý số: 72/2017/TLPT-HC ngày 06 tháng 11 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết  
định hành chính về việc đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2154/2017/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm  
2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc đền bù, hỗ trợ giải  
phóng mặt bằng” của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 771/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 02  
năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện:*

1.1. Ông Phạm Đức V, sinh năm 1952 (có mặt).

1.2. Bà Phan Ngọc T, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: 336 Đường D, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 06 Phan Đăng Lưu, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Hồ P – Phó Chủ  
tịch Ủy ban nhân dân quận B (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Theo Giấy ủy quyền số 135/GUQ-UBND ngày 19/12/2017 của Ủy ban nhân dân quận B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phan H, sinh năm 1975 – Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Ông Phạm P, sinh năm 1960 – Chuyên viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B (có mặt).

Cùng địa chỉ: 44 Đường N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Ông Phạm Đức V, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: 336 Đường D, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/03/2013, các bản tự khai ngày 06/11/2013 và quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T trình bày:*

Căn nhà số 336 Đường D, Phường A, quận B trước đây do ông Hoàng Quốc H và bà Dương Bửu C sử dụng từ trước năm 1975, sau đó bán lại cho gia đình ông V và bà T vào năm 1990, gia đình ông bà đã sử dụng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế nhà đất cho đến nay. Bản vẽ hiện trạng vị trí đo vẽ ngày 14/03/1990 thể hiện khuôn viên nhà đất của ông, bà sử dụng không có bất cứ lối đi chung nào. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 56 ngày 29/3/1994 và Quyết định số 166 ngày 10/05/1995 mở đường đi cho hộ gia đình ông Lý Thanh T1 phía sau nhà ông, bà. Quyết định trên nêu rõ là Ủy ban nhân dân quận B (Phòng Xây dựng) phải xem xét bồi thường cho gia đình ông V và bà T đối với phần đất làm lối đi, vì phần đất này là của gia đình ông, bà mua, nhưng từ đó cho đến nay ông, bà vẫn chưa nhận được tiền bồi thường cho phần đất làm lối đi chung này.

Ngoài ra theo bản vẽ hiện trạng để thực hiện bồi thường cũng thể hiện rõ phần diện tích 63,2 m<sup>2</sup> nằm trong thửa 949 - 950 (Tài liệu 299/TTg) là đất của cá nhân có đăng ký, đóng thuế và đã chuyển nhượng cho gia đình ông V và bà T sử dụng từ trước đến nay. Do đó Ủy ban nhân dân quận B, các cơ quan chuyên trách đo vẽ bản đồ địa chính năm 2002 cho rằng 63,2 m<sup>2</sup> là đường là không đúng với nguồn gốc đất và thực tế từ đó cho đến nay gia đình ông V và bà T vẫn sử dụng phần đất trên, có cổng rào, cây xanh của gia đình ông bà trên đó.

Căn cứ vào bản vẽ hiện trạng để thực hiện cho công tác đền bù, giải tỏa lập ngày 13/01/2012 của Công ty cổ phần Đo đạc – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Đại Việt An, Trích sao diên thổ số 190 của Ban Quản lý ruộng đất cấp ngày 29/10/1986 và đơn thừa hưởng di sản ngày 16/11/1984; Bản vẽ viết tay của ông Hoàng Phương T2 không đề ngày tháng, chong lán lên bản vẽ ngày 14/3/1990. Bản vẽ ngày 14/3/1990 không có chữ lối đi chung kèm đơn xác nhận của Tổ phó an ninh lập ngày 19/10/1998; Biên bản lập ngày 23/9/1999, tất cả thể hiện không có lối đi công cộng.

Ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 6168/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất có diện tích 63,2m<sup>2</sup> nằm trong thửa 949-950 theo Tài liệu 299/TTg.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường đối với diện tích 63,2m<sup>2</sup> với mức giá 24.000.000 đồng/m<sup>2</sup>, tổng cộng 1.516.800.000 đồng. Mức giá trên căn cứ vào 40% giá trị đất ở đường D được nhà nước ấn định theo khung giá bồi thường là 60.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 24.000.000 đồng.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B bồi thường về cấu trúc trong ranh giới giải tỏa gồm: Tường rào: 10.000.000 đồng; Tường gạch: 5.000.000 đồng; Cổng sắt: 6.000.000 đồng; Sân bê tông: 12.630.000 đồng; Hòn non bộ: 8.000.000 đồng. Tổng giá trị cấu trúc là: 41.630.000 đồng.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đặng Mi R và ông Huỳnh N tại văn bản trình bày ý kiến và tại các biên bản đối thoại trình bày:*

- Về nguồn gốc nhà, đất:

Căn nhà số 336 Đường D, Phường A, quận B của ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T có nguồn gốc: Có Giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 684/GP-UB ngày 31/3/1990 của Ủy ban nhân dân quận B cấp cho ông Hoàng Quốc H – bà Dương Bửu C, loại nhà phố cấp 4, có diện tích (4,0 \* 10,2m) + (1,8 \* 5,0m); Vị trí và đặc điểm căn nhà được mô tả theo Bản vẽ hiện trạng lập ngày 14/3/1990 của Phòng Xây dựng quận B. Ông Hoàng Quốc H và bà Dương Bửu C chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T tại Giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà số 4202/GP-MB 7 ngày 08/8/1991 của Sở Nhà đất, với diện tích sử dụng công nhận là 40,8 m<sup>2</sup>. Tháng 8/1993, ông Phạm Đức V xây dựng, sửa chữa không phép làm phát sinh khiếu nại và tố cáo hộ ông Lý Thanh T1 ở phía sau, với nội dung yêu cầu xử lý việc ông V xây dựng lấn chiếm làm bí lối đi vào nhà ông, quá trình giải quyết như sau:

Ngày 05/8/1993, Phòng Xây dựng quận B đã lập biên bản đình chỉ việc xây dựng và sửa chữa nhà trái phép của ông V; Ngày 11/10/1993, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 468/QĐ-UB về xử lý hành vi xây dựng trái phép của hộ ông Phạm Đức V, với nội dung: *“buộc ông Phạm Đức V cư trú tại 336/A2 Đường D, Phường A, quận B, đã xây dựng tường chắn lối đi của các hộ phía trong, tháo dỡ phần tường xây dựng không phép diện tích 1,1m \* 2,3m để trả lại lối đi ban đầu cho các hộ phía trong đi ra”*. Ngày 29/3/1994, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 168/QĐ-UB về việc điều chỉnh Quyết định số 56/QĐ-UB ngày 29/3/1994, Ủy ban nhân dân quận B, với nội dung giải quyết thay đổi chuyển đường đi của hộ ông Lý Thanh T1 về phía mé sông thay vì đi qua nhà ông Phạm Đức V; Ngày 15/11/1994, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định cưỡng chế số 92/QĐ-UB về việc bắt buộc ông Phạm Đức V phải thi hành Quyết định xử phạt hành chính số 168/QĐ-UB ngày 27/7/1994 nêu trên của Ủy ban nhân dân quận B, kèm bản vẽ hiện trạng giải quyết đường đi vào nhà ông Lý Thanh T1 do Phòng Xây dựng quận B lập ngày 15/11/1994 nêu trên.

Do hộ ông V và ông T1 vẫn tiếp tục tranh chấp về lối đi, ngày 10/5/1995, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 166/QĐ-UB, với nội dung: “...*Hình thành một con đường đi chung từ nhà ông T1 từ 336 Đường D, Phường A, quận B đến đường D (vị trí đầu đường D) có chiều dài 25m, bề ngang từ vách nhà ông V (336/A2 đường D) đến mé bờ sông (7,3m). Đây là đường đi chung cho mọi người có yêu cầu như nhà ông T1 cùng nhà ông V. Mọi người phải giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, không được lấn chiếm dưới mọi hình thức và không được để những chướng ngại vật trên lối đi gây trở ngại cho sự đi lại ...*”. Tuy nhiên sau đó ông Phạm Đức V tái lấn chiếm tại vị trí đã cưỡng chế. Ngày 17/4/1998, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 723/1998/QĐ-UB xử phạt hành chính đối với hộ ông Phạm Đức V về hành vi: Xây dựng hàng rào không phép, lấn chiếm lối đi chung; buộc ông V tháo dỡ hàng rào (cọc sắt, lưới B40) dài 20 m nằm trong lối đi chung.

Ngày 11/12/2002, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 19389/QĐ-UB về đổi số nhà mới cho căn nhà ông Phạm Đức V là số 336 (thay cho 336/A2) đường D, Phường A, quận B.

Về quá trình thực hiện thu hồi đất để thực hiện dự án và việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với hộ ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T:

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng cầu BK, căn nhà 336 đường D, Phường A, quận B của ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T thuộc diện giải tỏa một phần; Tại bản vẽ phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Công ty cổ phần Đo đạc – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Đại Việt An lập ngày 13/01/2012 thì phần diện tích giải tỏa của hộ ông Phạm Đức V là 86 m<sup>2</sup> (trong tổng diện tích khuôn viên là 688,30 m<sup>2</sup>, diện tích còn 602,30 m<sup>2</sup>).

Ngày 14/9/2012, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 6168/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng một phần đối với căn nhà 336 đường D, Phường A, quận B của ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T, với diện tích bồi thường là 86 m<sup>2</sup>, tổng giá trị bồi thường là 10.590.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Phần diện tích đất 86 m<sup>2</sup> trong ranh giải tỏa của hộ ông Phạm Đức V có vị trí nằm hoàn toàn trong phần diện tích lối đi chung đã được hình thành xác lập tại Quyết định số 166/QĐ-UB ngày 10/5/1995 của Ủy ban nhân dân quận B, trong đó gồm 2 phần:

Phần diện tích đất 17,7m<sup>2</sup>/86,0m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 5, tờ 93 Bản đồ địa chính 2002 (theo Tài liệu 299/TTg do Công ty cổ phần Đo đạc – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Đại Việt An lập ngày 13/01/2012 thì có 01 phần 9,6 m<sup>2</sup> thuộc rạch và 01 phần 8,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa 949); Có vị trí nằm trong phần lối đi chung trong Quyết định số 166/QĐ-UB ngày 10/5/1995 của Ủy ban nhân dân quận B, do ông Phạm Đức V lấn chiếm; Căn cứ chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 35/2010/QĐ-

UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố: Không tính bồi thường, không tính hỗ trợ về đất.

Do đó giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích 86 m<sup>2</sup> trong ranh giải tỏa thu hồi của ông Phạm Đức V là 0 (không) đồng.

+ Bồi thường, hỗ trợ về cấu trúc:

Cấu trúc xây dựng trong phần diện tích 86 m<sup>2</sup> trong ranh giải tỏa gồm: sân bê tông (có diện tích 84,2 m<sup>2</sup>), hòn non bộ (có diện tích 1,8 m<sup>2</sup>), tường rào, gạch cổng sắt do ông Phạm Đức V xây dựng nêu trên không tính bồi thường, không tính hỗ trợ, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Quyết định số 35/2010/QĐ- UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

+ Bồi thường về cây trồng:

Gồm 2 cây bàng, 1 cây vú sữa và một cây dừa với giá trị bồi thường là 590.000 đồng.

Hỗ trợ chi phí bàn giao mặt bằng với số tiền là 10.000.000 đồng, căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 25 của Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Về nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 6168/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng một phần đối với căn nhà số 336 đường D, Phường A, quận B của ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T dựa trên căn cứ:

Căn cứ Khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai 2003 quy định: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh quyết định thu hồi đất đối với hộ cá nhân, gia đình, cộng đồng dân cư;

Căn cứ Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về trình tự thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Đất đai, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể (quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể) đối với từng thửa đất do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng và có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với trường hợp thu hồi đất để giao hoặc cho thuê thực hiện dự án đầu tư;

Căn cứ Khoản 1 Điều 162 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ liệt kê các loại quyết định hành chính trong quản lý đất đai bao gồm: Quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; quyết định bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư;

Như vậy đối với trường hợp đất do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng thì Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có thẩm quyền quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương. Các loại quyết định hành chính trong quản lý đất đai bao gồm các quyết định được liệt kê tại Khoản 1 Điều 162 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, trong đó có quyết định bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng;

Căn cứ Nghị định 84/2007/NĐ-CP quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Phương án 182/PABT-UBND ngày 07/8/2012 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp mở rộng cầu BK tại Phường N, M, A quận B đã được Ủy ban nhân dân quận B phê duyệt Quyết định số 5832/QĐ-UB ngày 22/8/2012.

Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng một phần đối với căn nhà 336 đường D, Phường A, quận B theo đúng trình tự, thẩm quyền và quy định của pháp luật. Vì vậy việc ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T yêu cầu hủy Quyết định số 6168/QĐ-UB ngày 14/9/2012 là không có căn cứ.

Về nội dung yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B bồi thường về đất đối với phần diện tích  $63,2 \text{ m}^2 * 24.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.516.800.000 \text{ đồng}$ : Phần diện tích  $63,2 \text{ m}^2$  mà ông Phạm Đức V yêu cầu khởi kiện bồi thường, nằm trong diện tích  $68,3 \text{ m}^2$  (trong tổng diện tích  $86,0 \text{ m}^2$  thuộc ranh giải tỏa) không thể hiện trên bản đồ địa chính lập năm 2002, có nguồn gốc do ông Phạm Đức V lấn chiếm lối đi chung đã được xác định tại Quyết định số 166/QĐ-UB ngày 10/5/1995 của Ủy ban nhân dân quận B. Ủy ban nhân dân quận B đã có Quyết định số 723/1998/QĐ-UB ngày 17/4/1998 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Đức V về hành vi: Xây dựng hàng rào không phép, lấn chiếm lối đi chung; Buộc ông V gỡ bỏ toàn bộ hàng rào (cọc sắt, lưới B40) dài 20m nằm trong lối đi chung.

Căn cứ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án được quy định tại Khoản 4 Điều 6 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/05/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Trường hợp sử dụng từ ngày 22 tháng 4 năm 2002 trở về sau không tính hỗ trợ về đất. Kể cả đất do lấn, chiếm và đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2002 trở về sau thì người có hành vi lấn, chiếm hoặc được giao đất, thuê đất không đúng thẩm quyền không được bồi thường, hỗ trợ về đất khi thu hồi đất.

Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân quận B không có cơ sở pháp lý để giải quyết nội dung ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T khởi kiện yêu cầu bồi thường về đất đối với phần diện tích  $63,2 \text{ m}^2$  trong ranh giải tỏa.

Về nội dung yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B bồi thường về cấu trúc trong ranh giới giải tỏa gồm: Tường rào: 10.000.000 đồng; Tường gạch: 5.000.000 đồng; Cổng sắt: 6.000.000 đồng; Sân bê tông: 12.630.000 đồng; Hòn non bộ: 8.000.000 đồng. Tổng giá trị cấu trúc là 41.630.000 đồng;

Các cấu trúc trong ranh giới giải tỏa gồm: Sân bê tông (có diện tích 84,2 m<sup>2</sup>), hòn non bộ (có diện tích 1,8 m<sup>2</sup>), tường rào gạch đều có nguồn gốc do ông V lấn chiếm.

Căn cứ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định tại Điều d, Khoản 2 Điều 26 của Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố: Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không có giấy tờ hợp lệ: Nhà ở, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường đất ở theo quy định tại Điều 8 quy định này, khi xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông báo không được phép xây dựng (xử lý hành chính về hành vi xây dựng trái phép) thì không được bồi thường, không được hỗ trợ; người có công trình xây dựng trái phép đó buộc phải tự tháo dỡ hoặc phải chịu chi phí phá dỡ trong trường hợp cơ quan chức năng của Nhà nước thực hiện phá dỡ...

Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân quận B không có cơ sở pháp lý để giải quyết nội dung ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T khởi kiện yêu cầu bồi thường về cấu trúc trong ranh giới giải tỏa.

Do đó, việc hỗ trợ, bồi thường đối với hộ ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T thể hiện tại Quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của Ủy ban nhân dân quận B là đúng chính sách. Đề nghị Tòa án nhân dân quận B công nhận việc giải quyết hỗ trợ, bồi thường đối với hộ ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T tại quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân quận B và bác nội dung đơn khởi kiện của ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện - ông Nguyễn Thái N trình bày:

Phần đất 63,2m<sup>2</sup> của gia đình ông V ra đến mép đường D là của chủ cũ chuyển nhượng cho ông V sử dụng hợp pháp. Theo Điều 50 Luật Đất đai thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012, nhà nước mở rộng đường, làm cầu BK, gia đình ông V đồng ý cho lấy đất mở rộng và chỉ yêu cầu đền bù theo quy định là có căn cứ. Giá đất bồi thường tại thời điểm giải tỏa được tính là 60 triệu đồng/m<sup>2</sup>, ông V yêu cầu bồi thường 40%, thành tiền là 25.000.000 đồng/m<sup>2</sup> là hợp lý.

Việc Ủy ban nhân dân quận B căn cứ bản vẽ năm 1990 là không đúng vì bản vẽ này do Ủy ban tự thuê người vẽ, chủ sở hữu không thừa nhận mà chỉ có Ủy ban và người đo vẽ ký.

Việc lấy căn cứ ông V bị xử phạt hành chính làm căn cứ xác định phần đất này không thuộc quyền sở hữu của ông V là không có căn cứ vì việc ông V sửa chữa, xây dựng do không xin phép thì bị xử phạt hành chính mà không liên quan đến việc xác định chủ sở hữu đất và việc bồi thường.

Ủy ban nhân dân thừa nhận đã thực hiện theo bản vẽ thì ông V không phải chứng minh vì bản vẽ đã thể hiện toàn bộ phần đất này là của ông V.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 để tiến hành bồi thường theo yêu cầu của người khởi kiện. Chấp nhận yêu cầu bồi thường về cấu trúc trong ranh giới giải tỏa với tổng số tiền là 41.630.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ông Phạm Ngọc Phụng trình bày: Ủy ban nhân dân quận B đã căn cứ vào Quyết định 3425/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất tại số 336 đường D, Phường A, quận B để bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng thuộc dự án đầu tư công trình cầu BK; Căn cứ Phương án số 182/PABT-UBND ngày 07/8/2012 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư công trình xây dựng nâng cấp cầu BK đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phê duyệt tại Quyết định số 5832/QĐ-UBND ngày 22/8/2012; Căn cứ Phiếu chiết tính số 05/NTP/P13 do Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B lập ngày 04/4/2012 đối với việc giải tỏa một phần căn nhà số 336 đường D, Phường A, quận B; Căn cứ biên bản tiếp xúc thông báo giá bồi thường và đề nghị của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B. Trên cơ sở này, Ủy ban nhân dân quận B đã ra Quyết định số 6168/QĐ-UBND là hoàn toàn có cơ sở.

Việc người khởi kiện cho rằng phần đất giải tỏa 63,2 m<sup>2</sup> là phần đất thuộc quyền sở hữu và có đủ điều kiện để được bồi thường là không có căn cứ vì đây là phần đất không được công nhận, ông V nhiều lần xây dựng trái phép trên phần đất này nên nhiều lần bị xử phạt hành chính và cưỡng chế tháo dỡ. Phần diện tích nhà và đất lúc mua và đi đăng ký chỉ là 40 m<sup>2</sup> nhà ở và 294 m<sup>2</sup> đất, phần nhà đất này nằm cách xa đường D và cầu BK nên phần đất giải tỏa không thuộc phần đất ông V và bà T được công nhận. Do đất không được công nhận nên phần xây dựng và các công trình trên đất không được đền bù.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V và bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2154/2017/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng” của Tòa án nhân dân quận B, đã tuyên xử:

*“1. Bác yêu cầu của ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng” và các yêu cầu gồm “Yêu cầu bồi thường về cấu trúc trong ranh giới giải tỏa” và “Yêu cầu hỗ trợ đối với gia đình diện chính sách”.*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2017, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của ông Phạm Đức V về việc kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Phạm Đức V xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng một phần đối với căn nhà số 336 đường D, Phường A, quận B và buộc Ủy ban nhân dân quận B phải bồi thường đất và vật kiến trúc cho ông V theo đúng quy định. Đồng thời, ông V cũng yêu cầu Ủy ban phải hỗ trợ gia đình chính sách có đất bị thu hồi.

Người khởi kiện là bà Phan Ngọc T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bà không kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông V, bà đề nghị nhà nước phải có chính sách bồi thường, hỗ trợ hợp tình, hợp lý cho người bị thu hồi đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B là ông Phạm P có ý kiến trình bày: Ủy ban nhân dân quận B không kháng cáo bản án sơ thẩm. Việc ban hành Quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của Ủy ban nhân dân quận B đã đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, đúng chính sách theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông V bà T, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục thấy rằng Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý xét xử đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì thấy rằng người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung thấy rằng có cơ sở khẳng định phần diện tích thu hồi 86 m<sup>2</sup> của gia đình ông V không phải là phần diện tích đất của ông Hoàng Quốc H và bà Dương Bửu C đã bán cho gia đình ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T, không thuộc phần đất được nhà nước công nhận, nên không có cơ sở để xác định tính bồi thường cho ông V và việc tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V ở cấp sơ thẩm là đúng theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự; Người bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa ông Phạm Đức V - bà Phan Ngọc T và Ủy ban nhân dân quận B là tranh chấp về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010, Điều 1 Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP và Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Do có người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B. Do ông Phạm Đức V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân quận B nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 thì thẩm quyền ban hành quyết định về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là của Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện. Do vậy, người khởi kiện xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân Bình Thạnh là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 09/10/2017, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện về việc kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 2154/2017/HC-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân quận B là còn trong hạn luật định nên chấp nhận để xem xét.

Về việc ủy quyền: Xét văn bản ủy quyền của người bị kiện là hợp lệ, đảm bảo hình thức và nội dung đúng theo quy định pháp luật.

Về việc xét xử phúc thẩm vắng mặt đương sự: Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B có người đại diện theo ủy quyền là ông Hồ P đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại Khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nói trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 14/9/2012, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 6168/QĐ-UBND về việc về việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T. Ngày 14/3/2013, ông V bà T có đơn khởi kiện đối với quyết định nói trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo Khoản 2, Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010, Điều 2 Nghị quyết 104/2015/NQ-QH của Quốc hội.

[4] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông V về việc buộc Ủy ban nhân dân quận B phải bồi thường phần đất diện tích 63,2 m<sup>2</sup> theo đơn giá 24.000.000 đồng/m<sup>2</sup>, bồi thường vật kiến trúc trên đất và hỗ trợ gia đình ông do thuộc diện chính sách, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc, quá trình đăng ký, quản lý, sử dụng đất của ông V bà T:

Theo Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân quận B, thì phần đất của ông V bà T thuộc ranh dự án đầu tư công trình xây dựng cầu BK là 86 m<sup>2</sup> (trong đó: diện tích 17,7 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 6, diện tích 27,6 m<sup>2</sup> thuộc rạch và diện tích 40,7 m<sup>2</sup> thuộc đường, tờ bản đồ số 93, bản đồ địa chính Phường A, quận B lập năm 2002. Theo Tài liệu 299 thì có một phần diện tích 63,2 m<sup>2</sup> thuộc thửa 949 và 950. Phần diện tích 63,2 m<sup>2</sup> nói trên, ông V cho rằng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình và yêu cầu nhà nước bồi thường, hỗ trợ. Đối với yêu cầu này thì thấy rằng:

- Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ 336 đường D, Phường A, quận B có nguồn gốc do ông Phạm Đức V mua bằng giấy tay của bà Dương Bửu C tháng 10/1990 không thể hiện diện tích mua bán. Việc mua bán này được Sở Nhà đất cấp Giấy phép mua bán, chuyển dịch số 4202/GP-MB ngày 08/8/1991, diện tích được mua bán là 40,8 m<sup>2</sup>. Năm 1999, ông V có kê khai nhà đất sử dụng có diện tích là 541,4 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, tại bản vẽ lập ngày 13/01/2012 do Công ty Đo đạc – Xây dựng – Thương mại Dịch vụ Đại Việt An lập để phục vụ công tác bồi thường thì diện tích khuôn viên của ông V là 688,30 m<sup>2</sup>, sau khi thu hồi 86 m<sup>2</sup> thì còn lại 602,30 m<sup>2</sup>. Như vậy, ông V cho rằng toàn bộ diện tích khuôn viên hiện tại là 688,30 m<sup>2</sup> có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Dương Bửu C là thiếu cơ sở, bởi lẽ tại thời điểm mua bán nhà đất với bà C, giấy tờ mua bán không thể hiện diện tích đất được bán, mặt khác, diện tích đất ông V kê khai sử dụng qua các thời kỳ là khác nhau, diện tích càng ngày càng mở rộng nhưng không do nhận chuyển nhượng mà có. Hiện tại, ông V bà T vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở.

- Ngày 10/5/1990, Ủy ban nhân dân quận B có ban hành Quyết định 166/QĐ-UB ngày 10/5/1995 với nội dung: “... *Hình thành một con đường đi chung từ nhà ông T1 từ 336 Đường D, Phường A, quận B đến đường D (vị trí đầu đường D) có chiều dài 25 m, bề ngang từ vách nhà ông V (336/A2 Đường D) đến mé bờ sông (7,3 m2). Đây là đường đi chung cho mọi người có yêu cầu như nhà ông Tuyền cùng nhà ông V. Mọi người phải giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, không được lấn chiếm dưới mọi hình thức và không được để những chướng ngại vật trên lối đi gây trở ngại cho sự đi lại...*”. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V cho rằng việc nhà nước lấy đất của ông để làm lối đi chung thì phải bồi thường cho ông. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, ông V không khiếu nại Quyết định số 166/QĐ-UB và cho tới nay cũng chưa có văn bản nào sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định này. Do đó, Quyết định số 166/QĐ-UB nói trên đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, từ năm 1995, nhà nước đã quản lý đối với phần đất lối đi chung nói trên và đã thực hiện chức năng quản lý bằng việc xử phạt hành chính theo Quyết định số 723/1998/QĐ-UB ngày 17/4/1998 khi ông V có hành vi lấn chiếm lối đi này. Quyết định số 723/1998/QĐ-UB đã có hiệu lực và ông V cũng không khiếu nại về việc xử phạt vi phạm hành chính nói trên.

Như vậy, phần đất ông V yêu cầu bồi thường, hỗ trợ 63,2 m<sup>2</sup> chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận chủ quyền, thuộc diện lấn chiếm đất thuộc quyền

quản lý của nhà nước từ năm 1995, quá trình sử dụng đất của ông V đã bị xử phạt vi phạm hành chính do hành vi lấn chiếm. Do đó, theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 4 Phương án bồi thường số 182/PABT-UBND ngày 07/8/2012 của Ủy ban nhân dân quận B, Khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ thì phần đất bị thu hồi của ông V bà T không được bồi thường. Yêu cầu của ông V về việc buộc Ủy ban nhân dân quận B bồi thường phần đất 63,2 m<sup>2</sup> với đơn giá 24.000.000 đồng/m<sup>2</sup> là không có cơ sở xem xét, chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông V về việc buộc Ủy ban nhân dân quận B bồi thường các công trình kiến trúc trên đất thì thấy rằng, như đã lập luận trên, ông V đã xây dựng sân bê tông, hòn non bộ, tường rào, cổng sắt trên phần đất có nguồn gốc lấn chiếm và đã bị xử phạt vi phạm hành chính buộc tháo dỡ. Theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 26 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì:

*“d) Nhà ở, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường đất ở theo quy định tại Điều 8 Quy định này, khi xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông báo không được phép xây dựng (xử lý hành chính về hành vi xây dựng trái phép) thì không được bồi thường, không được hỗ trợ; người có công trình xây dựng trái phép đó buộc phải tự tháo dỡ hoặc phải chịu chi phí phá dỡ trong trường hợp cơ quan chức năng của Nhà nước thực hiện phá dỡ.”*

Do vậy, yêu cầu của ông V về việc buộc Ủy ban phải bồi thường vật kiến trúc trên đất cho ông là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông V về việc buộc Ủy ban phải hỗ trợ do ông thuộc diện gia đình chính sách thì thấy rằng yêu cầu của ông không được quy định tại Phương án bồi thường số 182/PABT-UBND ngày 07/8/2012 của Ủy ban nhân dân quận B đã được phê duyệt. Mặt khác, theo quy định tại Điều 34 Quyết định 35/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì việc hỗ trợ đối với gia đình chính sách chỉ áp dụng khi phải di chuyển chỗ ở. Đối chiếu với trường hợp của ông V thì do bị thu hồi một phần diện tích, không phải di chuyển nơi ở nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ là có căn cứ. Do đó, yêu cầu của ông V là không có cơ sở để xem xét.

Xét trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của Ủy ban nhân dân quận B đã đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T về việc: Hủy Quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng một phần đối với căn nhà số 336 Đường D, Phường A, quận B và buộc Ủy ban nhân dân quận B phải bồi thường đất, vật kiến trúc và hỗ trợ gia đình chính sách cho ông V theo đúng quy định; Giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về án phí hành chính phúc thẩm, ông V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ nêu trên,

Căn cứ Điều 30, Điều 225, Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính năm 2010;

Căn cứ Luật Đất đai 2003;

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết 104/2015/NQ-QH của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Bác yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Đức V.

Giữ nguyên phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 2154/2017/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân quận B, đã tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và các yêu cầu gồm “Yêu cầu bồi thường về cấu trúc trong ranh giải tỏa” và “Yêu cầu hỗ trợ đối với gia đình diện chính sách”.

2. Án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, ông Phạm Đức V và bà Phan Ngọc T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 (hai trăm ngàn) đồng ông Phạm Đức V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04796 ngày 21/3/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận B. Ông V và bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Đức V phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0003079 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Ông V đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao (tại TP. Hồ Chí Minh);
- VKSND cấp cao (tại TP. Hồ Chí Minh);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tại TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận B;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**Trương Thế Trọng**